**Q1: Choose the appropriate word from the following. 10**

* 1. Buy:  \_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Mǎi B- Cài C- Dōngxi

* 1. Travel: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Lǚyóu B- Fàngjià C- Jiàqī

* 1. Hungry: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Chī B- Jīròu C- È

* 1. English language: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Hànyǔ B- Yīngyǔ C- Fǎyǔ

* 1. Drinks: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- kělè B- Yǐnliào C- Shuǐ

* 1. Chicken: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Yángròu B- Jīròu C- Niúròu

* 1. Sea food: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Hǎixiān B- Yú C- Cài

* 1. Job: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Jia B- Zuo C-Gongzuo

* 1. Eat: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- He B- Chi C- Bu chi

* 1. Holiday: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A- Jia qi B- Zhou mo C- Xing qi tian

**Q2: Rearrange words to make sensible sentence 10**

1. Nǐ, gōng zuò, de, bàba, zuò, shén, me?
2. Nǐ, diànhuà, duōshǎo, hàomǎ, shì, de？
3. Wǒ, jiā, qi,yǒu kou rén
4. Nǐ, chī, shén, xiǎng, me?
5. Wǒ,lǚyóu, qù, xiǎnɡ.
6. Xīngqīyī ,Jīntiān, shì , ma?
7. Nǐ, rén, shì, ɡuó, nǎ ？
8. Nǐ, yǔ, shūo,hàn, ma, hùi?
9. Nǐ, Shouji, duōshǎo, hàomǎ, shì, de？
10. Xiǎng,Wǒ, kànkan, qúnzi

**Q3: Complete the dialogue in Chinese 20**

Q: Nǐ jiào shén me míng zì？

A: My name is….  
Q: nǐ de fù mǔ zhù zài nǎ lǐ?

A: tamen zhù zài ….

Q: Jīntiān jǐ hào?

A: Today Date…

Q:Nǐ Xīngqītiān yào zuò shénme?

A: I will go to the shopping mall.

Q: nǐ de hùzhào (Passport) hào mǎ shì duō shǎo?

A:My Passport number is…..

Q: Nǐ xǐhuan chī zhōngguó cài hái shì měiguó cài？

A: I like Chinese food.

Q: Nǐ xiǎng chī shén me？

A: I want to eat Kong pao chicken.

Q: Nǐ xiǎng mǎi shén me?

A: I want to buy Skirt.

Q: Qǐng wèn, shìyījiān zài nǎr?

A: Fitting room is over here.

Q: Zhè ge jiàqī nǐ yǒu shénme dǎsuan？

A: I plan to stay at school and study.

**Q4: Make sentences from the words given below. 10**

1. Gōng zuò
2. Zhuān yè
3. Chī
4. Huan Shu
5. Jiā
6. Zhōngguó Cai
7. Gong bao ji ding
8. Ming zi
9. Jie
10. Beijing